

Soạn Looking Back trang 56 - 57 Unit 10 Tiếng Anh lớp 10 mới

Pronunciation

1. Say the words aloud. Put a stress mark (') before the syllable with the primary stress in each word. If necessary, use a dictionary to help you. (Đọc to những từ. Đặt dấu nhấn vào trước âm tiết mỗi từ. Nếu cần, sử dụng một từ điển để giúp bạn.)

activity	conservation	traditional	destination
economic	economical	understanding	degradation

ac'tivity conser'vation tra'ditional destination

eco'nomie eco'nomical under'standing degra'dation

Vocabulary

1. Complete these sentences, using the words in the box. Make changes where necessary. (Hoàn thành các câu này, sử dụng những từ trong khung. Thay đổi nếu cần.)

exotic	environment	impact
ecology	destination	conservation

- If you're interested in wildlife _____, you should go on an eco tour.
- Top _____ for ecotourism are usually national parks, forests or rural areas.
- There could be both positive and negative _____ of tourism activities on the _____.
- Water pollution and scuba-diving activities can harm the _____ of the coral reefs.
- We can find lots of different _____ flowers at the flower festival this year.

1. conservation 2. destinations 3. impacts; environment

4. ecology 5. exotic

Hướng dẫn dịch:

1. Nếu bạn quan tâm đến bảo tồn thú hoang dã, bạn nên đi một chuyến du lịch sinh thái.
2. Địa điểm hàng đầu cho du lịch sinh thái thường là những công viên quốc gia, rừng hoặc khu vực nông thôn.
3. Có thể có cả những tác động tích cực và tiêu cực của những hoạt động du lịch lên môi trường.
4. Ô nhiễm nước và những hoạt động lặn có thể gây hại đến sinh thái của các rạn san hô.
5. Chúng ta có thể tìm được nhiều hoa lạ kỳ trong lễ hội hoa năm nay.

Grammar

1. Make conditional sentences Type 1 from the cues given and create a story. (Làm thành câu điều kiện Loại 1 từ gợi ý được cho là tạo ra một câu chuyện.)

1. If there is a traffic jam, I'll be late for class.
2. If I'm late for class, I'll miss the lesson.
3. If I miss the lesson, I won't do the test well
4. If I don't do the test well, I will feel very sad.
5. If I feel very sad, I will go to the gym.
6. If I go to the gym, I will keep fit.
7. If I keep fit, I will be attractive.
8. If I am attractive, I will be happy.

Hướng dẫn dịch:

1. Nếu có kẹt xe, tôi sẽ đi học trễ.
2. Nếu tôi đi học trễ, tôi sẽ lỡ mất bài học.

3. Nếu tôi lỡ mất bài học, tôi sẽ không làm bài kiểm tra tốt.
4. Nếu tôi không làm bài kiểm tra tốt, tôi sẽ rất buồn.
5. Nếu tôi cảm thấy rất buồn, tôi sẽ đi tập thể dục.
6. Nếu tôi đi tập gym, tôi sẽ giữ cơ thể cân đối.
7. Nếu tôi giữ cơ thể cân đối, tôi sẽ hấp dẫn.
8. Nếu tôi hấp dẫn, tôi sẽ thấy vui vẻ.

2. Rewrite the sentences using conditional sentences Type 2.(Viết lại các câu sử dụng câu điều kiện Loại 2.)

1. If I could swim, I would go scuba-diving with you.
2. I would go on an ecotour to Phu Quoc National Park if I had any holiday left.
3. If Sue had Tony's email address, she would send him a message.
4. I would make a cake for you if there were eggs in the fridge.
5. Phong could travel abroad if he had enough money.
6. If I drove too close to animals in safari, they would get scared.
7. I would go to the concert if I didn't have so much homework to do.
8. If Nam had a camera, he'd take pictures of his trip.

Hướng dẫn dịch:

1. Nếu tôi có thể bơi, tôi sẽ đi lặn với bạn.
2. Tôi sẽ đi du lịch sinh thái đến Công viên Quốc gia Phú Quốc, nếu tôi có bất kỳ ngày nghỉ nào còn lại.
3. Nếu Sue có địa chỉ email của Tony, cô ấy sẽ gửi cho anh ấy một tin nhắn.
4. Tôi sẽ làm cho bạn một cái bánh nếu có trứng trong tủ lạnh.
5. Phong có thể đi du lịch nước ngoài nếu anh ấy có đủ tiền.

6. Nếu tôi lái xe quá gần những động vật trong vườn thú, chúng sẽ rất sợ.
7. Tôi sẽ đi đến buổi hòa nhạc nếu tôi không có quá nhiều bài tập về nhà để làm.
8. Nếu Nam có một máy chụp hình, anh ấy sẽ chụp hình cho chuyến đi của anh ta.

2. What does the if-clause in each sentence mean? Write a sentence with is, isn't or might to explain it. (Mệnh đề if trong mỗi câu có nghĩa là gì? Viết một câu với "is, isn't" hay "might" để giải thích nó.)

1. If your test score was high, your father could give you a reward.

-> The test score isn't high.

2. If your test score is high, your father will give you a reward.

-> The test score might be high.

3. If my computer was working, I would send her an email right away.

-> The computer isn't working.

4. If it snows tonight, you can't go out.

-> It might snow tonight.

5. If this golden block is made pure gold, we will be rich.

-> This golden block might be made of pure gold.

6. If my father were here now, he would know how to fix this bicycle.

-> My father is not here now.

7. If the air was not polluted, our quality of life would be better.

-> The air is polluted.

8. If John calls, can you take a message for me?

-> John might call.

Hướng dẫn dịch:

1. Nếu điểm kiểm tra của con cao, ba con sẽ cho con một phần thưởng.

-> Điểm bài kiểm tra không cao.

2. Nếu điểm kiểm tra con cao, ba con sẽ cho con một phần thưởng.

-> Điểm bài kiểm tra có lẽ cao.

3. Nếu máy tính tôi đang chạy, tôi sẽ gửi cho cô ấy một email ngay.

-> Máy tính không hoạt động bây giờ.

4. Nếu trời có tuyết tối nay, bạn không thể đi ra ngoài được đâu.

-> Trời có thể có tuyết rơi tối nay.

5. Nếu khóa bằng vàng này được làm bằng vàng nguyên chất, chúng ta sẽ giàu to.

-> Khóa vàng này có lẽ được làm bằng vàng.

6. Nếu ba tôi ở đây bây giờ, ông ấy sẽ biết cách sửa xe đạp này.

-> Ba tôi không ở đây bây giờ.

7. Nếu không khí không ô nhiễm, chất lượng cuộc sống của chúng ta sẽ tốt hơn.

-> Không khí bị ô nhiễm.

8. Nếu John gọi, bạn có thể ghi lại tin nhắn cho mình không?

-> John có thể gọi.